

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 10299-1:2025

Xuất bản lần 2

**KHẮC PHỤC HẬU QUẢ BOM Mìn VẬT NỔ SAU CHIẾN TRANH –
PHẦN 1: QUY ĐỊNH CHUNG**

*Addressing the post war explosive ordnance consequences –
Part 1: General requirements*

HÀ NỘI - 2025

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu.....	4
Lời giới thiệu.....	5
1 Phạm vi áp dụng.....	7
2 Tài liệu viện dẫn	7
3 Thuật ngữ và định nghĩa.....	7
4 Quy định chung	15
4.1 Quy định trình tự triển khai hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ	15
4.2 Quy định về hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ.....	17
Thư mục tài liệu tham khảo	20

Lời nói đầu

TCVN 10299-1:2025 do Bình chủng Công binh biên soạn, Bộ Quốc phòng đề nghị, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

TCVN 10299-1:2025 thay thế TCVN 10299-1:2014.

Bộ TCVN 10299:2025, *Khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh*, gồm 15 phần:

- TCVN 10299-1:2025, Phần 1: Quy định chung;
- TCVN 10299-2:2025, Phần 2: *Thẩm định và công nhận năng lực thực hiện cho tổ chức hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-3:2025, Phần 3: *Giám sát và đánh giá tổ chức khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-4:2025, Phần 4: *Điều tra ô nhiễm bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-5:2025, Phần 5: *Khảo sát ô nhiễm bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-6:2025, Phần 6: *Rà phá bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-7:2025, Phần 7: *Xử lý bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-8:2025, Phần 8: *An toàn hiện trường điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-9:2025, Phần 9: *Bảo đảm y tế và sức khỏe người lao động trong các hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-10:2025, Phần 10: *Điều tra sự cố bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-11:2025, Phần 11: *Quản lý thông tin*;
- TCVN 10299-12:2025, Phần 12: *Quản lý chất lượng trong hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-13:2025, Phần 13: *Quản lý rủi ro trong hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-14:2025, Phần 14: *Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ*;
- TCVN 10299-15:2025, Phần 15: *Hỗ trợ nạn nhân bom mìn vật nổ*.

Lời giới thiệu

Việt Nam là đất nước chịu ảnh hưởng nặng nề bởi số lượng bom mìn vật nổ do các bên sử dụng. Kể từ năm 1975 đến nay, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế xã hội, xây dựng đất nước, các lực lượng chuyên môn đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong thực hiện nhiệm vụ rà phá bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh và thu được nhiều kết quả thiết thực góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân vấn đề ô nhiễm bom mìn vật nổ vẫn còn rất phức tạp, tai nạn do bom mìn vật nổ vẫn còn xảy ra.

Các loại bom mìn vật nổ chưa nổ nằm sâu trong lòng đất tồn tại hàng chục năm luôn là mối nguy hiểm tiềm tàng, có ảnh hưởng không nhỏ đến việc bảo đảm an toàn cho con người, phát triển kinh tế, đời sống, trật tự an toàn xã hội. Ngoài ra, bom mìn vật nổ còn chứa các loại chất hoá học độc hại đã và đang là nguồn gây ô nhiễm nghiêm trọng cho môi trường, ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe của cộng đồng.

Hiện nay, trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, việc khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách hàng đầu, nhiệm vụ này phải thực hiện một cách chủ động, hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho nhân dân và các công trình kinh tế, dân sinh của đất nước. Việc khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ là công việc đặc biệt nguy hiểm, liên quan trực tiếp đến an toàn tính mạng con người, tài sản, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Do vậy, thực hiện công tác này phải do các lực lượng chuyên trách, được trang bị, đào tạo cơ bản về chuyên môn kỹ thuật, có đầy đủ trang bị kỹ thuật và được tổ chức một cách khoa học chặt chẽ.

Trong những năm qua, công tác khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ ở Việt Nam đã được nhiều tổ chức của Việt Nam và quốc tế thực hiện. Ở mỗi giai đoạn và từng thời điểm cần thiết, Chính phủ Việt Nam và Bộ Quốc phòng đã ban hành các quy định, quy trình kỹ thuật, định mức, cũng như các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác này.

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về Khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh công bố ngày 17 tháng 3 năm 2014, đã tạo khung quy phạm kỹ thuật góp phần quan trọng trong công tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh. Tuy nhiên, sau 10 năm áp dụng, khoa học công nghệ đất nước đã có sự phát triển vượt bậc; hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đã có sự điều chỉnh, bổ sung lớn, nên các tiêu chuẩn đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần phải điều chỉnh, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, đảm bảo tính thống nhất cao trong hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ tại Việt Nam và hội nhập với quốc tế. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế bộ tiêu chuẩn quốc gia về Khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ với mục đích đưa ra các yêu cầu toàn diện hơn đối với các hoạt động liên quan đến công tác khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ tại Việt Nam, phù hợp với tình hình thực tế và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan mới được ban hành. Bộ tiêu chuẩn này áp dụng đối với các đơn vị và doanh nghiệp quân đội làm nhiệm vụ rà phá bom mìn; khuyến khích áp dụng đối với các tổ chức khắc phục hậu quả bom mìn, các dự án, hạng mục, nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn do nước ngoài tài trợ.

TCVN 10299-1:2025, *Khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh – Phần 1: Quy định chung* quy định các nguyên tắc và hướng dẫn hoạt động trong công tác khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh. Tiêu chuẩn này được xây dựng nhằm đảm bảo sự đồng nhất và hiệu quả trong quản lý, điều hành và thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ trên toàn quốc. Bằng cách đặt ra các yêu cầu tối thiểu về an toàn, quản lý rủi ro và quản lý chất lượng, tiêu chuẩn này giúp đảm bảo rằng mọi hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ đều tuân thủ các quy định hiện hành và đạt được các mục tiêu đề ra. Tiêu chuẩn này đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia vào công tác khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh, từ đó nâng cao hiệu quả và tính bền vững của các hoạt động này.

Khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh –

Phần 1: Quy định chung

Addressing the post war explosive ordnance consequences –

Part 1: General requirements

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định, hướng dẫn chung về triển khai thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh.

2 Tài liệu viện dẫn

Trong tiêu chuẩn này không có tài liệu nào được viện dẫn.

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa như sau:

3.1

Bom mìn vật nổ (Explosive ordnance)

Tên gọi chung cho các loại bom, mìn, lựu đạn, quả nổ, ngư lôi, thủy lôi, vật liệu nổ, đầu đạn tên lửa, đạn pháo và đầu đạn pháo, các loại đạn, ngòi nổ, thuốc nổ, phương tiện gây nổ.

3.2

Bom mìn vật nổ chưa nổ (Unexploded ordnance)

Bom mìn vật nổ đã được bắn, thả, ném, bố trí...nhưng không hoạt động hoàn toàn theo dự tính, bao gồm cả bom chùm chưa phát nổ hoặc các bộ phận nguy hiểm của bom mìn vật nổ.

3.3

Bom mìn vật nổ bị bỏ lại (Abandoned explosive ordnance)

Bom mìn vật nổ đã được lắp ngòi, tra kíp, tháo cơ cấu an toàn hoặc được chuẩn bị để sử dụng nhưng chưa được bắn, ném, thả, bố trí (kích hoạt) hoặc các loại bom mìn vật nổ được bỏ lại mà chưa được chuẩn bị để sử dụng vì một lý do nào đó.

3.4

Thiết bị nổ tự chế (Improvised explosive device)

Thiết bị được chế tạo một cách tự phát bằng cách kết hợp các vật nổ, thuốc nổ, vật liệu phá hủy, gây chết người, độc hại, gây cháy, hoặc hóa chất. Các loại thiết bị tự chế này thường do các thành phần phi quân sự chế tạo.

3.5

Thuốc nổ (Explosives)

Hợp chất hay hỗn hợp các chất hoá học có đặc tính khi bị kích thích (ma sát, va đập, đâm chọc, đốt) ở mức độ và điều kiện nhất định sẽ tạo ra phản ứng cháy, nổ.

3.6

Bom (Bomb)

Một loại vũ khí dùng uy lực của thuốc nổ, chất cháy, chất độc hoá học, tác nhân sinh học, hạt nhân, mảnh của vỏ hoặc các tác nhân khác (nhiễm độc, nhiễm xạ, bức xạ, chấn động) do máy bay thả xuống nhằm phá hoại, sát thương trong một khu vực nhất định.

3.7

Mìn (Mine)

Một loại vũ khí gây sát thương bằng uy lực của thuốc nổ, mảnh vỡ của vỏ, chất cháy, chất độc hoá học... được bố trí sẵn. Khi có tác động của mục tiêu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp mìn sẽ nổ gây ra sự phá hoại, sát thương đối tượng hoặc gây cản trở trong phạm vi tác dụng như: Nhiễm độc, nhiễm xạ, hạn chế tầm nhìn...

3.8

Đạn dược (Ammunition)

Các loại vũ khí quân sự có chứa chất nổ, chất cháy hoặc các vật nhồi đặc biệt khác dùng để trực tiếp tiêu diệt sinh lực và phương tiện kỹ thuật, phá hủy công trình hay các công dụng khác (chiếu sáng, rải truyền đơn, tạo khói...).

3.9

Điều tra (Non-technical survey)

Hoạt động liên quan đến việc thu thập, phân tích, đánh giá các thông tin, dữ liệu về bom mìn vật nổ sau chiến tranh, phỏng vấn nhân chứng và quan sát trực quan tại hiện trường nhằm xác định diện tích đất đai bị ô nhiễm, nghi ngờ ô nhiễm hoặc không bị ô nhiễm bom mìn vật nổ trong một khu vực đất đai nhất định.

3.10

Khảo sát (Technical survey)

Hoạt động thu thập và phân tích dữ liệu bằng cách sử dụng các trang bị kỹ thuật chuyên ngành để xác định về sự hiện diện, chủng loại, phân bố và môi trường xung quanh của bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh, qua đó xác định rõ vị trí ô nhiễm, không ô nhiễm bom mìn vật nổ nhằm hỗ trợ công tác giải

phóng đất đai, lập phương án kỹ thuật thi công rà phá bom mìn vật nổ và quá trình ra quyết định dựa trên các bằng chứng thu thập được.

3.11

Rà phá bom mìn vật nổ (Explosive ordnance clearance)

Hoạt động dò tìm, thu gom, tiêu hủy hoặc vô hiệu hóa bom mìn vật nổ đến độ sâu xác định tại các khu vực được xác định là bị ô nhiễm bom mìn vật nổ nhằm giải phóng đất đai, khôi phục sản xuất, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của nhà nước và nhân dân.

3.12

Rà phá mìn bằng cơ giới (Mechanical demining operations)

Việc sử dụng máy móc cơ giới trong hoạt động rà phá mìn. Các loại máy móc sử dụng một hoặc nhiều công cụ (thay đổi) khác nhau để tìm kiếm hoặc phá hủy mìn (xe tăng phá mìn, máy xới mìn, máy sàng mìn, máy lăn, máy xúc, máy cày, máy cắt cây phá mìn, nam châm...).

3.13

Bãi tiêu hủy (Destruction site)

Khu vực được phép sử dụng chất nổ, lửa hoặc các biện pháp khác để phá hủy bom mìn vật nổ.

3.14

Hủy nổ tại chỗ (Destruction in situ)

Việc sử dụng thuốc nổ để phá hủy toàn bộ hoặc bất kỳ phần nào của bom mìn vật nổ nhằm làm mất đi khả năng gây nguy hiểm mà không di chuyển bom mìn vật nổ đó khỏi nơi được phát hiện.

3.15

Chuẩn bị mặt bằng thi công (Ground preparation)

Tập hợp các công việc gồm thiết lập các phân khu chức năng, xác định khu vực, mốc giới, chia ô và sử dụng phương tiện cơ giới hoặc thủ công nhằm loại bỏ các chướng ngại vật (thảm thực vật, vật thể kim loại, vật thể kiến trúc không còn được sử dụng) để thực hiện một cách hiệu quả các hoạt động khảo sát, rà phá bom mìn tiếp theo.

3.16

Dò tìm (Detection)

Hành động tìm kiếm sự hiện diện của bom mìn vật nổ bằng nhân lực, phương tiện kỹ thuật, dụng cụ hay động vật.

3.17

Tín hiệu (Signal)

Tất cả các loại bom mìn vật nổ và các loại vật thể có chứa kim loại (sắt, thép, vàng, bạc, đồng, nhôm), mảnh bom mìn, đạn mà con người hoặc các loại máy dò đang dùng hiện nay có thể phát hiện được.

3.18

Mật độ tín hiệu (Signal density)

Số lượng tín hiệu trung bình được tính trên một đơn vị diện tích.

3.19

Xử lý tín hiệu (Excavation)

Thuật ngữ áp dụng trong rà phá bom mìn vật nổ, theo đó lớp đất bề mặt được loại bỏ dần dần để phát hiện hoặc xác nhận sự tồn tại của vật gây tín hiệu ở lớp đất bên dưới.

3.20

Đánh dấu (Marking)

Việc đặt một hay nhiều dụng cụ nhằm xác định vị trí của một mối nguy hiểm hoặc ranh giới của một khu vực nguy hiểm (thao tác này có thể bao gồm sử dụng các biển báo, đánh dấu bằng sơn, cắm cờ... hoặc lắp dựng các rào chắn).

3.21

Biển báo bom mìn vật nổ (Explosive ordnance sign)

Biển cảnh báo nguy hiểm về sự tồn tại của bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh hoặc khu vực đang có các hoạt động khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ.

3.22

Khu vực nghi ngờ ô nhiễm bom mìn vật nổ (Suspected Hazardous Area)

Khu vực có dấu hiệu nghi ngờ về sự tồn tại của bom mìn vật nổ sau khi tiến hành điều tra.

3.23

Khu vực ô nhiễm bom mìn vật nổ (Confirmed Hazardous Area)

Khu vực được xác định có bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh sau khi đã tiến hành các hoạt động điều tra, khảo sát.

3.24

Khu vực nguy hiểm do bom mìn vật nổ (Dangerous area)

Một diện tích được xác định có bom mìn vật nổ hoặc khu vực đang có các hoạt động khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ.

3.25

Khu vực bãi mìn (Minefield area)

Khu vực được phát hiện có bố trí mìn theo (hoặc không theo) một quy cách nhất định.

3.26

Khu vực ô nhiễm không phải bãi mìn (Non - minefield area)

Khu vực không có mìn nhưng có các loại bom đạn, vật nổ ở các mức độ khác nhau còn sót lại sau chiến tranh do hành động khác nhau của các bên liên quan.

3.27**Khu vực bãi vật cản nổ dưới biển (Underwater Explosive Hazard Area)**

Khu vực trước đây có bố trí các loại mìn, thủy lôi hoặc vật cản nổ chống đổ bộ khác theo (hoặc không theo) một quy cách nhất định.

3.28**Khu vực ô nhiễm bom mìn vật nổ đặc biệt (Special area)**

Khu vực trước đây là bãi hủy bom, đạn; các kho bom, đạn đã từng bị nổ nhiều lần; quanh các căn cứ, đồn bót, trận địa cũ; một số khu vực thuộc vành đai biên giới có bố trí chông lán nhiều lớp mìn.

3.29**Hành lang an toàn rà phá bom mìn vật nổ (Safety boundary lane)**

Diện tích được xác định từ mép ngoài của khu vực sử dụng cho công trình đến mép ngoài khu vực cần hoặc đã được làm sạch bom mìn vật nổ nhằm bảo đảm an toàn cho quá trình thi công công trình và các hoạt động liên quan.

3.30**Dự án điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ (Non-technical survey, Technical survey and clearance project)**

Tập hợp các đề xuất có liên quan đến việc đầu tư để thực hiện công việc điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ tại những khu vực đất đai nhất định nhằm mục đích giải phóng khu vực đó khỏi sự ô nhiễm về bom mìn vật nổ.

3.31**Hạng mục rà phá bom mìn vật nổ (Non-technical survey, technical survey and Clearance Category)**

Công việc thành phần của một công trình hay dự án đầu tư phát triển nhằm mục đích rà phá bom mìn vật nổ tại mặt bằng khu vực công trình hay dự án đầu tư phát triển, trước khi tiến hành thi công xây dựng công trình.

3.32**Nhiệm vụ rà phá bom mìn vật nổ (Non-technical survey, technical survey and Clearance mission)**

Các hoạt động làm sạch bom mìn vật nổ được các đơn vị quân đội hoặc các tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ thực hiện.

3.33**Kế hoạch ứng phó sự cố bom mìn vật nổ (Demining accident response plan)**

Kế hoạch được xây dựng cho mỗi công trường khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ, trong đó ghi rõ các hành động, thủ tục cần thiết để cấp cứu, di chuyển nạn nhân từ nơi xảy ra sự cố đến một cơ sở y tế phù hợp gần nhất.

3.34**Máy dò mìn (Mine detectors)**

Thiết bị chuyên dụng được chế tạo để tìm kiếm và phát hiện các vật thể kim loại hoặc chứa kim loại trong lòng đất ở độ sâu không nhỏ hơn 0,13 cm.

3.35

Máy dò bom (Bomb detectors)

Thiết bị chuyên dụng được chế tạo để tìm kiếm và phát hiện các vật thể có từ tính trong lòng đất ở độ sâu không nhỏ hơn 3 m.

3.36

Thuốc dò mìn (Prod)

Công cụ cầm tay được dùng để phát hiện bom mìn vật nổ dưới mặt đất.

3.37

Trang thiết bị bảo vệ cá nhân (Personal protective equipment)

Tất cả thiết bị và quần áo nhằm chống lại các rủi ro, mất an toàn hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân viên rà phá bom mìn vật nổ trong quá trình thực hiện rà phá bom mìn vật nổ.

3.38

Nghiệm thu kết quả thi công rà phá bom mìn vật nổ (Post-clearance Inspection)

Việc kiểm tra, xem xét, đánh giá khối lượng, chất lượng thi công rà phá bom mìn vật nổ sau khi hoàn thành.

3.39

Kiểm tra xác suất (Sampling)

Kiểm tra đối với một diện tích nhất định tại một vị trí bất kỳ nằm trong tổng diện tích khu vực sau khi điều tra, khảo sát và rà phá bom mìn vật nổ.

3.40

Chứng chỉ năng lực (Certificate of competency)

Chứng chỉ do Bộ Quốc phòng cấp cho các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện về trang bị kỹ thuật, an toàn và nhân sự để thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3.41

Hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ (Explosive ordnance action activities)

Hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ là các hoạt động nhằm hạn chế hậu quả, loại bỏ tác động, ảnh hưởng của bom mìn vật nổ, khôi phục hoạt động bình thường ở khu vực ô nhiễm bom mìn vật nổ sau chiến tranh. Hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ là hoạt động công ích.

Hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ bao gồm:

- Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, đánh giá mức độ tồn lưu bom mìn vật nổ sau chiến tranh;
- Rà phá bom mìn vật nổ sau chiến tranh;
- Tuyên truyền, giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ sau chiến tranh cho nhân dân;
- Hỗ trợ nạn nhân bom mìn vật nổ sau chiến tranh;
- Đào tạo, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và công nghệ liên quan đến bom mìn vật nổ.

Ngoài ra còn có một số hoạt động khác nhằm hỗ trợ công tác khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ, bao gồm: Xây dựng khung pháp lý, đánh giá và lập kế hoạch, huy động và ưu tiên nguồn lực, quản lý thông tin.

3.42

Cơ quan hành động bom mìn quốc gia (National mine action authority)

Cơ quan chính phủ hoặc cơ quan liên bộ, chịu trách nhiệm hoạch định chiến lược, chính sách và chỉ đạo hoạt động của chính quyền, các cơ quan quản lý, điều phối về khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ trên phạm vi toàn quốc.

3.43

Cơ quan quản lý hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ (Agency managing activities to overcome the consequences of bombs, mines and explosives)

Cơ quan nhà nước được Chính phủ giao trách nhiệm quản lý, điều phối hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ.

3.44

Tổ chức khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ (Mine action organization)

Tổ chức trong nước và tổ chức nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3.45

Tổ chức rà phá bom mìn vật nổ (Demining organization)

Tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, quân đội hoặc tổ chức dịch vụ chịu trách nhiệm thực hiện các dự án, hạng mục hoặc nhiệm vụ điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ. Các tổ chức rà phá bom mìn vật nổ có thể là một nhà thầu chính, nhà thầu phụ, đơn vị tư vấn.

3.46

Chủ đầu tư (Investor)

Các tổ chức, cá nhân có chương trình, dự án, hạng mục, nhiệm vụ cần phải điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ trên một phạm vi khu đất đã được cấp phép đầu tư của cơ quan có thẩm quyền.

3.47

Nhà tài trợ khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ (Donor)

Chính phủ các nước; các cơ quan của Liên Hợp quốc; các cá nhân và các tổ chức phi chính phủ quốc tế; các cá nhân và các tổ chức trong nước thực hiện việc hỗ trợ kinh phí cho Chính phủ Việt Nam hoặc cho các tổ chức tiến hành hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh trên lãnh thổ Việt Nam.

3.48

Nhân viên rà phá bom mìn vật nổ (Deminer)

Tất cả nhân viên làm việc tại công trường điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ được đào tạo, có chứng chỉ theo các chức năng, nhiệm vụ được giao tại công trường.

3.49

Nạn nhân bom mìn vật nổ (Victim)

Nạn nhân bom mìn vật nổ là người bị chết, bị thương tật, bố, mẹ, vợ, chồng, con và những người phụ thuộc vào họ.

3.50

Khách thăm quan (Visitor)

Người không phải là thành viên của tổ chức rà phá bom mìn vật nổ đang thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ tại hiện trường đến thăm hoặc kiểm tra tại hiện trường đó.

3.51

Hệ thống quản lý thông tin hành động bom mìn (Information management system for mine action)

Hệ thống thông tin chuyên dùng để quản lý dữ liệu quan trọng trong các chương trình thực địa. Hệ thống quản lý thông tin hành động bom mìn hỗ trợ người dùng thu thập, lưu trữ dữ liệu, báo cáo, phân tích thông tin và các hoạt động quản lý dự án.

3.52

Tiêu chuẩn hành động bom mìn quốc tế (International mine action standards)

Các tài liệu do Liên Hợp quốc phát triển nhằm mục đích cải thiện sự an toàn, chất lượng và hiệu quả trong hành động bom mìn bằng cách cung cấp hướng dẫn, thiết lập các nguyên tắc và trong một số trường hợp, xác định các yêu cầu và thông số kỹ thuật quốc tế:

- Các tài liệu này cung cấp một khung tham chiếu nhằm khuyến khích, và trong một số trường hợp, yêu cầu các nhà tài trợ và các nhà quản lý các chương trình và dự án hành động bom mìn phải đạt được và chứng minh mức độ hiệu quả và sự an toàn đã thỏa thuận;
- Các tài liệu này cung cấp một ngôn ngữ chung và khuyến nghị các định dạng và quy tắc để xử lý dữ liệu nhằm tạo điều kiện cho việc trao đổi các thông tin quan trọng nhằm hỗ trợ mang lại lợi ích cho các chương trình và dự án khác, hỗ trợ việc huy động, xác định ưu tiên và quản lý các nguồn lực.

3.53

Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ (Explosive ordnance risk education)

Các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức cho người dân về nguy cơ rủi ro, tai nạn do bom mìn vật nổ gây ra; đồng thời thúc đẩy thay đổi hành vi thông qua việc phổ biến thông tin đến cộng đồng, các hoạt động giáo dục và tập huấn phòng tránh tai nạn bom mìn trong cộng đồng để giảm thiểu nguy cơ thương tổn do bom mìn vật nổ.

3.54

Tổ chức giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ (Explosive ordnance risk education organization)

Các cơ quan chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, tổ chức xã hội (tổ chức phụ nữ, thanh niên, hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ, v.v...); các tổ chức thương mại và quân đội (bao gồm cả lực lượng gìn giữ hòa bình) chịu trách nhiệm thực hiện dự án hoặc nhiệm vụ về giáo dục phòng tránh tai

nạn bom mìn vật nổ. Tổ chức giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ có thể là nhà thầu chính, nhà thầu phụ, nhà tư vấn được cấp phép hoặc giao nhiệm vụ thực hiện một hoặc nhiều hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ như là một dự án thông tin cộng đồng, dự án giáo dục kiến thức tại trường học.

3.55

Giảm thiểu nguy cơ tai nạn bom mìn vật nổ (Explosive ordnance risk reduction)

Những hành động làm giảm nguy cơ hoặc mức độ nghiêm trọng của bom mìn vật nổ đối với người, tài sản hoặc môi trường bằng cách thực hiện các biện pháp như: Rà phá, lập rào chắn hoặc đánh dấu, hoặc thay đổi hành vi qua giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ.

3.56

Thiết bị chống tháo gỡ (Anti-handling device)

Một bộ phận của quả mìn được kết nối, gắn với quả mìn hoặc được bố trí cùng quả mìn và sẽ kích hoạt khi có một lực nào đó tác động vào quả mìn hay cố ý dịch chuyển quả mìn nhằm chống tháo gỡ quả mìn.

3.57

Bẫy mìn (Booby trap)

Một thiết bị nổ hoặc không nổ được cố ý cài đặt gắn với quả mìn để kích hoạt quả mìn khi vô tình hoặc cố ý có tác động vật lý vào thiết bị đó.

3.58

“Phải”, “Nên”, “Có thể” (“Shall”, “Should”, “May”)

Trong hệ thống tiêu chuẩn khắc phục hậu quả bom mìn, các từ “phải”, “nên” và “có thể” được sử dụng để chỉ mức độ tuân thủ dự định:

- Phải được sử dụng để chỉ ra các yêu cầu bắt buộc, phương pháp hoặc thông số kỹ thuật phải được áp dụng để phù hợp với tiêu chuẩn;
- Nên được sử dụng để chỉ ra các yêu cầu, phương pháp hoặc thông số kỹ thuật nên ưu tiên áp dụng;
- Có thể được sử dụng để chỉ ra một phương pháp hoặc các hoạt động khả thi.

4 Quy định chung

4.1 Quy định trình tự triển khai hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ

4.1.1 Đánh giá tình hình và xác định nhu cầu

4.1.1.1 Khảo sát hiện trạng: Thu thập thông tin về mức độ ô nhiễm bom mìn, các chương trình, dự án, kế hoạch của Chính phủ, của địa phương tại khu vực, số lượng nạn nhân, các yếu tố địa lý và dân cư...

4.1.1.2 Xác định nhu cầu: Gặp gỡ cộng đồng, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội và các cơ quan liên quan để tìm hiểu nguyện vọng và đánh giá nhu cầu của họ về khắc phục hậu quả bom mìn vật

nổ. Xem xét, đánh giá các nguồn lực có thể huy động (tài chính, nhân sự, trang thiết bị và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết) để đáp ứng.

4.1.1.3 Đối thoại với các bên liên quan: Liên lạc với các tất cả các bên liên quan, thiết lập mạng lưới công tác.

4.1.2 Lập kế hoạch

4.1.2.1 Xây dựng mục tiêu: Xác định rõ ràng các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn của chương trình, dự án và các tiêu chí đánh giá (ví dụ: giảm thiểu tai nạn bom mìn, phục hồi đất đai, nâng cao nhận thức cộng đồng).

4.1.2.2 Thiết lập lộ trình: Lập kế hoạch chi tiết các hoạt động cần thực hiện theo thời gian, bao gồm các giai đoạn điều tra, khảo sát, lập và phê duyệt kế hoạch, triển khai thực hiện, theo dõi giám sát, nghiệm thu bàn giao, quản lý thông tin và báo cáo, đánh giá và cải tiến.

4.1.2.3 Phân bổ nguồn lực: Xác định nguồn kinh phí và phân bổ nguồn lực (nhân lực, thiết bị, công nghệ) cần thiết cho việc thực hiện dự án.

4.1.3 Xác định quy trình và công nghệ

4.1.3.1 Lựa chọn phương pháp kỹ thuật: Chọn các công nghệ và quy trình phù hợp để thực hiện chương trình, dự án (ví dụ: công nghệ rà phá và xử lý bom mìn thủ công hoặc sử dụng các thiết bị hiện đại).

4.1.3.2 Thiết lập quy trình quản lý: Xây dựng các quy trình quản lý chất lượng, quản lý thông tin và báo cáo tiến độ công việc.

4.1.4 Tổ chức và đào tạo nhân sự

4.1.4.1 Tuyển dụng và đào tạo: Tuyển chọn nhà thầu hoặc tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân viên có chuyên môn phù hợp về khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ, hỗ trợ y tế, quản lý dự án và giám sát đánh giá.

4.1.4.2 Huấn luyện bổ sung: Tổ chức các chương trình huấn luyện bổ sung về an toàn, kỹ năng xử lý tình huống và công nghệ cho các cán bộ, nhân viên liên quan.

4.1.5 Triển khai chương trình, dự án

4.1.5.1 Tiến hành khảo sát chi tiết: Thực hiện việc điều tra, khảo sát bổ sung tại hiện trường để xác định thêm các thông tin cần thiết.

4.1.5.2 Triển khai kế hoạch: Thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ theo kế hoạch được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình an toàn quốc gia và quốc tế.

4.1.6 Giám sát, đánh giá và điều chỉnh

4.1.6.1 Giám sát quá trình thực hiện: Theo dõi và giám sát tiến độ của các hoạt động, đảm bảo mọi công đoạn đều tuân thủ quy trình an toàn và hiệu quả.

4.1.6.2 Đánh giá hiệu quả: Đánh giá kết quả của chương trình so với các mục tiêu ban đầu, sử dụng các chỉ số đo lường về giảm thiểu tai nạn, phục hồi đất đai và nâng cao nhận thức.

4.1.6.3 Điều chỉnh kế hoạch: Dựa trên kết quả đánh giá, thực hiện các điều chỉnh cần thiết về chiến lược, nguồn lực hoặc quy trình để cải thiện hiệu quả.

4.1.7 Báo cáo và chia sẻ thông tin

4.1.7.1 Báo cáo tiến độ: Cung cấp các báo cáo định kỳ cho các cơ quan quản lý, chủ đầu tư và cộng đồng về tiến độ, kết quả đạt được.

4.1.7.2 Chia sẻ bài học kinh nghiệm: Tổ chức các buổi hội thảo, chia sẻ thông tin về các bài học rút ra từ quá trình thực hiện để cải thiện chất lượng dự án trong tương lai.

4.1.8 Tăng cường năng lực và duy trì kết quả

4.1.8.1 Đào tạo lại và hỗ trợ dài hạn: Tổ chức các hoạt động đào tạo lại cho nhân viên và cộng đồng để duy trì kết quả dài hạn.

4.1.8.2 Thiết lập hệ thống quản lý thông tin, báo cáo: Xây dựng hệ thống quản lý thông tin để theo dõi kết quả và duy trì chế độ báo cáo theo quy định sau khi hoàn thành chương trình, dự án.

4.2 Quy định về hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ

4.2.1 Tổ chức hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ

4.2.1.1 Phải có chứng chỉ năng lực của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp.

4.2.1.2 Chỉ được phép tiến hành thi công điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ khi có đầy đủ phương án kỹ thuật thi công, kế hoạch thi công, quy trình quản lý chất lượng nội bộ, được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Tất cả các nội dung công việc trong quá trình thi công đều phải được thực hiện trên cơ sở phương án kỹ thuật thi công được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt; quy trình kỹ thuật điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ, quy trình quản lý chất lượng phải được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc chấp thuận.

4.2.1.3 Các bước triển khai phải được tổ chức chặt chẽ, chỉ huy thống nhất theo đúng trình tự, đúng quy trình. Không tự động thay đổi quy trình kỹ thuật trong quá trình tổ chức thực hiện. Khi bắt buộc phải thay đổi một số bước trong quy trình đã được duyệt thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cấp có thẩm quyền.

4.2.1.4 Chủ đầu tư lựa chọn tổ chức, đơn vị tư vấn thực hiện công tác điều tra, khảo sát xác định khu vực ô nhiễm bom mìn vật nổ và khảo sát lập phương án kỹ thuật thi công, dự toán rà phá bom mìn vật nổ theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành. Tổ chức, đơn vị tư vấn điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ có nhiệm vụ:

- Báo cáo cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ;
- Lập phương án kỹ thuật thi công, dự toán điều tra, khảo sát dự án, hạng mục, nhiệm vụ rà phá bom mìn vật nổ trình Bộ Quốc phòng hoặc cơ quan, đơn vị được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ thẩm định và chủ đầu tư phê duyệt theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan;

- Tiến hành điều tra, khảo sát xác định các khu vực nghi ngờ ô nhiễm, khu vực ô nhiễm, khu vực không ô nhiễm bom mìn vật nổ;
- Tiến hành khảo sát lấy số liệu để lập phương án kỹ thuật thi công và dự toán rà phá bom mìn vật nổ tại các khu vực đất đai khẳng định ô nhiễm;
- Xây dựng/đề xuất quy trình quản lý chất lượng nội bộ của dự án, hạng mục, nhiệm vụ rà phá bom mìn vật nổ trình chủ đầu tư phê duyệt làm căn cứ để giám sát tổ chức, đơn vị thi công rà phá bom mìn vật nổ.

4.2.1.5 Chủ đầu tư lựa chọn tổ chức, đơn vị thực hiện công tác rà phá bom mìn vật nổ theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan. Tổ chức, đơn vị thi công rà phá bom mìn vật nổ có nhiệm vụ:

- Báo cáo cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt dự án;
- Lập kế hoạch thi công (Kế hoạch sử dụng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Tiến hành thi công rà phá bom mìn vật nổ theo các quy định tại quy chuẩn, quy trình, phương án kỹ thuật thi công và quy trình quản lý chất lượng đã được duyệt;
- Tổ chức nghiệm thu, bàn giao mặt bằng đã rà phá theo quy định;
- Lập báo cáo kết quả thi công rà phá và báo cáo thông tin dữ liệu theo quy định.

4.2.1.6 Chịu trách nhiệm về tình trạng kỹ thuật, hướng dẫn và tuân thủ các yêu cầu về an toàn khi sử dụng các loại trang thiết bị trong điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ.

4.2.1.7 Trên một công trường khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ, nếu có nhiều tổ chức cùng phối hợp thi công thì tổ chức phụ trách thi công chính phải phối hợp với các tổ chức thi công khác đề ra các biện pháp bảo đảm an toàn lao động chung và cùng nhau thực hiện. Những nơi thi công xen kẽ nhiều tổ chức có thể thành lập ban giám sát an toàn chung kiểm tra việc thực hiện.

4.2.1.8 Trên công trường khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ cần có đủ các công trình và trang thiết bị phục vụ các yêu cầu về kỹ thuật, an toàn, vệ sinh và sức khỏe người lao động.

4.2.1.9 Cần cung cấp đủ nước uống cho nhân viên làm việc tại công trường. Nước uống phải đảm bảo vệ sinh và có dụng cụ để uống.

4.2.2 Trang thiết bị điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ

4.2.2.1 Chỉ được sử dụng các trang thiết bị, công nghệ điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ được quy định tại quy chuẩn, quy trình và phương án kỹ thuật thi công đã được duyệt.

4.2.2.2 Việc bổ sung các trang thiết bị mới vào quá trình hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ phải tuân theo các quy định của pháp luật liên quan đến trang thiết bị rà phá bom mìn vật nổ, chất lượng hàng hóa, sản phẩm và được phép của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

4.2.2.3 Tất cả các trang thiết bị điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ và các dụng cụ cần thiết khác phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy trình, quy định của các cơ quan chức năng có thẩm quyền; trước mỗi ca làm việc cần kiểm tra để đảm bảo chất lượng khi đem sử dụng.

4.2.3 Người tham gia hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ

4.2.3.1 Nhân viên tham gia hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ có độ tuổi tối thiểu là 18 tuổi, có đủ các điều kiện về sức khỏe được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận.

4.2.3.2 Chỉ huy công trường, chỉ huy và nhân viên điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ, nhân viên giám sát, nhân viên y tế làm việc trên công trường phải là người được đào tạo, có chứng chỉ phù hợp và được huấn luyện bổ sung theo quy định trước khi tham gia hoạt động điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ.

Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] IMAS 01.10, Hướng dẫn áp dụng và phát triển Tiêu chuẩn Hành động bom mìn Quốc tế (IMAS).
 - [2] IMAS 02.10, Hướng dẫn thiết lập chương trình hành động bom mìn.
 - [3] IMAS 04.10, Danh mục các thuật ngữ, định nghĩa và các từ viết tắt về Hành động bom mìn.
 - [4] IMAS 05.10, Quản lý thông tin trong hành động bom mìn.
 - [5] IMAS 06.10, Quản lý đào tạo.
 - [6] IMAS 07.11, Giải phóng đất đai.
 - [7] IMAS 07.12, Quản lý chất lượng trong hành động bom mìn.
 - [8] IMAS 07.14, Quản lý rủi ro trong Hành động bom mìn.
 - [9] IMAS 07.40, Giám sát các tổ chức hành động bom mìn.
 - [10] TNMA 07.30/01, Công nhận các tổ chức hành động bom mìn - Hồ sơ đăng ký.
 - [11] IMAS 08.10, Điều tra phi kỹ thuật.
 - [12] IMAS 08.20, Khảo sát kỹ thuật.
 - [13] TNMA 08.20/02, Khảo sát Bom đạn chùm.
 - [14] IMAS 09.10, Các yêu cầu rà phá.
 - [15] IMAS 09.11, Rà phá Khu vực chiến sự.
 - [16] IMAS 09.13, Rà phá tòa nhà.
 - [17] IMAS 09.30, Xử lý vật nổ.
 - [18] T&EP 09.30/01/2022 Các tiêu chuẩn Năng lực Xử lý Bom mìn, Vật Nổ (EOD).
 - [19] IMAS 10.60, Điều tra và báo cáo tai nạn và sự cố.
 - [20] IMAS 10.10 An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp.
 - [21] IMAS 10.40 Hỗ trợ y tế.
 - [22] IMAS 12.10 Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ.
 - [23] IMAS 13.10 Hỗ trợ nạn nhân trong hành động bom mìn.
 - [24] IMAS 14.10, Hướng dẫn đánh giá các can thiệp hành động bom mìn.
-